

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH LIÊM  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 30 - 9 - 2020  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Lại Xuân Cảnh;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Quý;
2. Bà Vũ Thị Duyên.

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Hoàng Thị Vân Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** chị Đoàn Thị X - sinh năm 1995; nơi ĐKKHKT: thôn MC, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nơi ở: B10, BT1A, đường CXH, phường MĐ2, quận NTL, Thành phố Hà Nội; có mặt.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*** ông Long Xuân Thi - Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Bạch Long thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: số 92, đường Dương Quảng Hàm, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; có mặt.

***2. Bị đơn:*** anh Bùi Minh T - sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn MC, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Đoàn Thị X trình bày:* chị và anh Bùi Minh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 06/02/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống chủ

yếu ở Hà Nội. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng tro ng quan điểm sống hàng ngày. Vợ chồng cũng đã ngồi lại nói chuyện với nhau, cùng đưa ra phương án giải quyết những mâu thuẫn đang xảy ra, tìm ra hướng đi chung cho cả hai để có cuộc sống hạnh phúc và cùng nhau nuôi dạy con tốt hơn, nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung mà ngược lại mâu thuẫn còn trầm trọng hơn. Sau khi sinh con, vợ chồng còn bất đồng trong việc chăm sóc con cái, sống không có sự đồng cảm, sẻ chia. Anh T không quan tâm đến chị, tính tình nóng nảy, có lần vợ chồng bất đồng quan điểm thì anh T có tát chị, khiến chị bị tổn thương. Từ tháng 02 năm 2020, vợ chồng về sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại thôn MC, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam. Trong khoảng thời gian này, giữa chị và bố mẹ chồng cũng xảy ra xung đột trong việc nuôi dạy con chung của vợ chồng. Tháng 5 năm 2020, vợ chồng chị lên Hà Nội sinh sống, anh T muốn vợ chồng về quê sinh sống, còn chị chưa thu xếp được công việc, nên vợ chồng không thống nhất được, mâu thuẫn nảy sinh thêm từ đó. Sau đó, đến cuối tháng 5 năm 2020 thì chị và con được nghỉ hè, nên đã về nhà mẹ đẻ ở Thái Bình sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh T có về nhà bố mẹ đẻ chị để gây áp lực, có to tiếng, ép buộc chị phải về Hà Nam, nhưng chị không đồng ý. Anh T có những lời nói không đúng chuẩn mực của người con trong gia đình đối với bố mẹ chị. Nay, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con: vợ chồng có 01 con chung là Bùi Đoàn Minh A - sinh ngày 27/5/2017, hiện nay cháu đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hằng tháng là 1.000.000 đồng; về con riêng, con nuôi: vợ chồng không có, hiện nay chị không mang thai, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: vợ chồng không có tài sản chung gì, nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công nợ: vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

\* *Tại bản tự khai ngày 08/7/2020 và trong quá trình xét xử, bị đơn - anh Bùi Minh T trình bày:* anh kết hôn với chị Đoàn Thị X trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 06/02/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống chủ yếu ở Hà Nội. Anh là lao động chính trong nhà, làm nghề hướng dẫn viên du lịch, còn chị X chưa có công việc, ở nhà chăm con, một mình anh vất vả kiếm tiền chăm lo cho vợ con. Thời gian gần đây (khoảng tháng 3 năm 2020), do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, công việc bị gián đoạn, nên vợ chồng về sống cùng bố mẹ anh tại thôn MC, xã TH. Anh đi làm cơ khí, còn chị X ở nhà cùng bố mẹ chăm con. Thời gian này, chị X không hài lòng khi sống ở quê, liên tục có những lời lẽ và hành

động xúc phạm bố mẹ anh và anh . Chị X cũng nhiều lần xin lỗi bố mẹ và anh , bố mẹ và anh chấp nhận lời xin lỗi và bỏ qua cho chị X, cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường. Sau khi hết giãn cách xã hội (tháng 4 năm 2020), vợ chồng anh tiếp tục lên Hà Nội sinh sống. Tháng 5 năm 2020, anh có bàn bạc với chị X là về quê ở xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam sinh sống vì dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng đến kinh tế, một mình anh đi làm không lo được chu đáo cho vợ con ở Hà Nội, nhưng chị X không đồng ý và tự động mang con chung của vợ chồng về nhà bố mẹ đẻ ở thôn SC, xã HA, huyện TT, tỉnh Thái Bình sinh sống từ ngày 28/5/2020. Ngay trong ngày 28/5/2020, anh về nhà bố mẹ chị X để nói chuyện với gia đình chị X, nhưng chị X nhất quyết không về; chú và anh của chị X còn dọa đánh anh. Đến ngày 09/6/2020, anh tiếp tục về nhà bố mẹ chị X để đón vợ con về, thì gia đình chị X không cho anh thăm con, gây khó khăn cho việc anh gặp con và gọi người đánh anh. Bố chị X còn gọi điện dọa nạt mẹ anh. Từ đó, anh không xuống thăm con được nữa . Mâu thuẫn của vợ chồng đã được bố mẹ anh khuyên bảo về đoàn tụ , song không thành . Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị X xin ly hôn, anh nhất trí, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con: vợ chồng có 01 con chung là Bùi Đoàn Minh A (cháu trai) - sinh ngày 27/5/2017, hiện nay cháu đang sống cùng với chị X. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con; về con riêng, con nuôi: vợ chồng không có , hiện nay chị X không mang thai, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Xác minh tại UBND xã Thanh Hà xác định:* sau khi kết hôn, anh Bùi Minh Tuấn và chị Đoàn Thị X sống chủ yếu ở Hà Nội, không thường xuyên sinh sống ở địa phương , nên chính quyền , đoàn thể xã Thanh Hà không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng anh chị. Thời gian gần đây (khoảng tháng 3 năm 2020), do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, anh chị về sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại thôn MC, xã TH. Địa phương nắm được anh T là người công giáo , nên không nhất trí ly hôn. Hiện nay, chị X về Thái Bình sinh sống cùng bố mẹ đẻ , anh T sống ở thôn MC, xã TH. Nay, chị X có đơn xin ly hôn với anh T, quan điểm của chính quyền địa phương như sau : đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm kiên trì hòa giải để vợ chồng anh chị đoàn tụ nuôi dạy con chung ; trường hợp chị X cương quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh chị theo quy định của pháp luật.

***\* Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết: cho chị Đoàn Thị X được ly hôn anh Bùi Minh T và chị X được quyền trực tiếp nuôi cháu Bùi Đoàn Minh A, yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng; không yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn.

- Bị đơn nhất trí ly hôn và xin được nuôi cháu Bùi Đoàn Minh A, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - xử cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị X và anh Bùi Minh T. Về con chung: giao cháu Bùi Đoàn Minh A - sinh ngày 27/5/2017 cho chị Đoàn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng; anh Bùi Minh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hằng tháng là 1.000.000 đồng. Về án phí: các đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Đoàn Thị X có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là anh Đoàn Minh T hiện cư trú tại xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

[2] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị Đoàn Thị X và anh Bùi Minh T là tự nguyện, hợp pháp. Do anh chị không hợp nhau về tính cách, lối sống, quan điểm sống và cách nuôi dạy con chung; hơn nữa anh chị kết hôn lúc tuổi còn trẻ, chưa biết cách cư xử đúng mực, công việc khó khăn, nên cuộc sống vợ chồng căng thẳng, bất hòa, sống không có hạnh phúc. Sau khi sống ly thân, anh chị không còn quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được gia đình, Tòa án tiến hành hòa giải, nhưng không thành. Đến nay, anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị X xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: chị Đoàn Thị X và anh Bùi Minh T có 01 con chung là cháu Bùi Đoàn Minh A - sinh ngày 27/5/2017. Cháu A hiện sống ổn định với chị

X kể từ khi anh T, chị X sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị X và anh T đều có nguyện vọng được nuôi cháu A. Hội đồng xét xử xét thấy: chị X đang làm việc tại nhóm lớp Mầm non Bông Gạo (ở Thành phố Hà Nội), anh T hiện làm tại Công ty TNHH TM Du lịch Đào Hồng (ở tỉnh Hà Nam) và làm thêm nghề cơ khí. Như vậy, chị X và anh T hiện tại đều có công việc, thu nhập để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cháu A đang sống ổn định cùng chị X và đang còn nhỏ (tính đến thời điểm xét xử cháu A được 3 tuổi 4 tháng 03 ngày), nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, chị X là giáo viên mầm non, chị X và cháu A hiện đang sinh sống tại nhóm lớp Mầm non Bông Gạo, nên thuận tiện, đảm bảo tốt nhất cho việc chăm sóc, giáo dục cháu A. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu A, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu A cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: việc cấp dưỡng nuôi con vừa thể hiện trách nhiệm, nghĩa vụ, tình cảm của cha mẹ đối với con, vừa là quyền lợi của người cha, người mẹ khi được đóng góp công sức vào sự phát triển của con cái. Chị X yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hằng tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), kể từ sau phiên tòa, là phù hợp với điều kiện kinh tế của anh T và phù hợp với quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Đoàn Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Bùi Minh Tuấn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ các điều 147, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

**1.** Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị X và anh Bùi Minh T.

**2.** Về con chung: giao cháu Bùi Đoàn Minh A - sinh ngày 27/5/2017 cho chị Đoàn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi; anh Bùi Minh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hằng tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng), kể từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

**3.** Án phí: chị Đoàn Thị X phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị X đã nộp tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005069 ngày 06/7/2020. Anh Bùi Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

**4.** Quyền kháng cáo đối với bản án: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**5.** Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Xuân Cảnh**